

ÁP DỤNG NHỮNG
NGUYÊN TẮC CỦA

BASEL

trong quản lý nợ xấu ngân hàng thương mại Việt Nam

ThS. Nguyễn Thị Hoài Phương *



Quản lý rủi ro tín dụng hiện đại theo nguyên tắc Basel chỉ có thể thành công khi được “trao đổi thông tin”

Các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam đang bước trên con đường hội nhập và phát triển cần có nhiều đổi mới để nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế. Nghiên cứu và ứng dụng những kinh nghiệm và chuẩn mực quốc tế trong hoạt động kinh doanh ngân hàng là một trong những con đường hiệu quả nhất để thực hiện mục tiêu này. Các nguyên tắc Basel về quản lý nợ xấu có thể xem là một trong những cơ sở nền tảng khi xây dựng mô hình quản trị rủi ro tín dụng tại các NHTM Việt Nam để đảm bảo tính hiệu quả, an toàn và phát triển bền vững.

1. Sự cần thiết phải ứng dụng những nguyên tắc của Basel trong quản lý nợ xấu ngân hàng

Từ lâu, các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) hay Ủy ban Basel đã quan tâm rất nhiều đến việc quản lý nợ xấu khi xây dựng chiến lược kiểm soát chất

* Khoa Ngân hàng Tài chính - Đại học KTQD

Bảng 1: Tỷ lệ nợ xấu (nội bảng) của các NHTM Việt Nam 2000 - 2009

Đơn vị: %

	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
NHTMNN	1,2	9,2	8,1	5,2	3,0	3,7	3,2	2,4	2,5	2,1
NHTMCP	21,7	6,5	5,2	4,0	3,8	2,3	1,8	1,1	2,0	1,9
Toàn ngành	12,3	8,0	7,2	4,7	3,6	3,5	2,9	1,4	2,2	2,0

Nguồn: NHNN và tính toán của tác giả

lượng tín dụng. Việc phát sinh nhiều khoản thiệt hại đáng kể do những khoản tín dụng kém hiệu quả đã khiến các ngân hàng ngày càng chú trọng hơn đến quản lý nợ xấu. Quản lý nợ xấu một cách có hệ thống sẽ giúp nhận biết các khoản nợ xấu, từ đó có thể phòng ngừa hay xử lý nó hiệu quả hơn.

Còn ở Việt Nam, nợ xấu chỉ thực sự được quan tâm đúng mức trong vài năm gần đây. Các kết quả nghiên cứu trong thời gian qua đã gây ra mối lo ngại lớn về chất lượng tín dụng đối với các nhà quản trị ngân hàng cũng như các nhà hoạch định chính sách.

Trên đây là bảng số liệu về tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống NHTM Việt Nam được tính theo tiêu chuẩn kế toán Việt Nam (VAS). Mặc dù tỷ lệ nợ xấu ngân hàng có xu hướng giảm qua các năm nhưng bắt đầu từ năm 2000, biện pháp xử

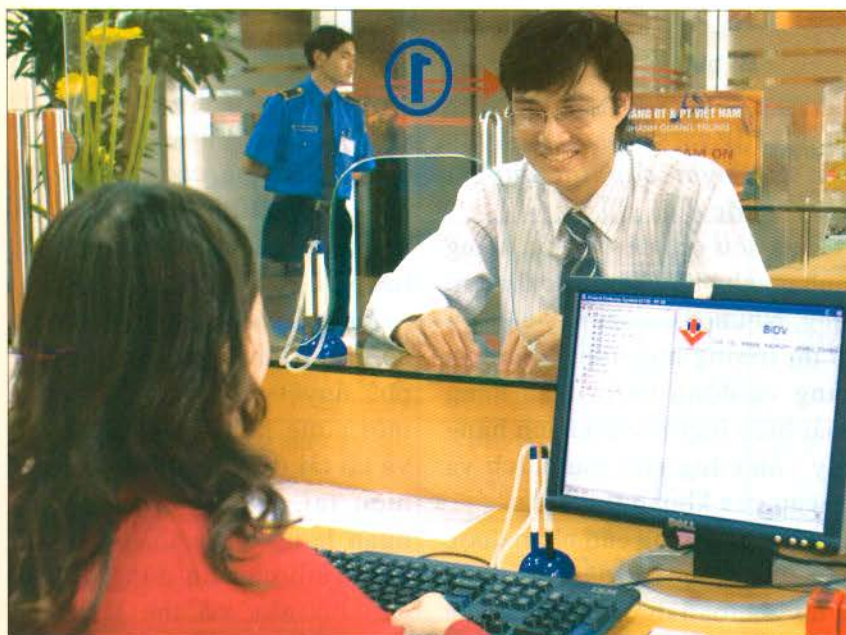
lý nợ xấu là dự phòng rủi ro được chuyển ra hạch toán ngoại bảng, thế nên thực chất tỷ lệ nợ xấu của các NHTM Việt Nam vẫn ở mức cao. Theo đánh giá của IMF thì tỷ lệ này có thể lớn hơn nhiều lần so với con số Việt Nam công bố. Như vậy, nợ xấu ở mức cao đang là gánh nặng của các NHTM. Gánh nặng này đã và đang làm chậm quá trình đổi mới và phát triển kinh tế ở Việt Nam. Và nếu không được quản lý nghiêm túc, nó sẽ tiếp tục gây ra nhiều thiệt hại lớn cho hệ thống NHTM Việt Nam, giảm lợi thế cạnh tranh trong điều kiện Việt Nam hội nhập quốc tế (xem bảng 1).

Trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Việt Nam đang từng bước bước vào vòng xoáy của chuyển động hội nhập và toàn cầu hoá. Trong xu hướng ấy, đòi hỏi các nước nói chung và Việt Nam nói riêng phải tự

do hoá, mở cửa thị trường trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Hoạt động ngân hàng cần được thực hiện và quản lý thông qua các tiêu chuẩn có tính thông lệ quốc tế, đặc biệt trong hoạt động quản lý nợ xấu. Điều này là hết sức cần thiết bởi:

- Ứng dụng các chuẩn mực quốc tế hiện đại, đặc biệt tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của Basel trong quản lý nợ xấu có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng hệ thống ngân hàng - tài chính phát triển bền vững, đáp ứng các điều kiện tiên quyết của quá trình gia nhập WTO và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Quản lý nợ xấu theo chuẩn mực quốc tế tạo điều kiện cho các NHTM tăng năng lực huy động nguồn vốn nhân rồi trong nền kinh tế, làm giảm tối thiểu lượng tiền thừa trong lưu thông, góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định tiền tệ, làm cơ sở cho việc thúc đẩy kinh tế phát triển.



Cần chuẩn hóa cán bộ tín dụng để đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt theo các nguyên tắc Basel

- Quản lý nợ xấu theo chuẩn mực hiện đại quốc tế sẽ làm tăng khả năng cung cấp dịch vụ của các NHTM, tăng khả năng thu hút khách hàng, tạo ra một hình ảnh tốt về biểu tượng và uy tín cho ngân hàng, làm cho khách hàng mong muốn gắn bó lâu dài với ngân hàng.

- Việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản Basel giúp các cơ quan quản lý xây dựng hệ thống thanh tra giám sát hiệu quả, hỗ trợ việc phát triển thị trường tài chính, phát triển hoạt động ngân hàng vững mạnh, nâng cao khả năng cạnh tranh, gia tăng giá trị cho các NHTM và mở rộng thị trường trong nước và quốc tế.

2. Các nguyên tắc cơ bản của Basel trong hoạt động quản lý nợ xấu

Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng là một diễn đàn cho sự hợp tác thường xuyên về các vấn đề liên quan đến giám sát hoạt động ngân hàng. Ủy ban

bao gồm các chuyên gia giám sát hoạt động ngân hàng được thành lập vào năm 1974 bởi các Thống đốc Ngân hàng Trung ương của nhóm G10. Ủy ban Basel được biết đến trên khắp thế giới với các thông lệ quốc tế mà họ đưa ra như tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR); các nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng hiệu quả; và thỏa ước về giám sát hoạt động ngân hàng xuyên biên giới.

Trong quá trình hoạt động của mình, Ủy ban Basel luôn xem xét tìm các biện pháp tốt nhất tăng cường mọi nỗ lực củng cố công tác giám sát chuẩn mực ở tất cả các quốc gia. Các tiêu chuẩn và nguyên tắc do Ủy ban Basel đưa ra, trên thực tế đã và đang trở thành những tiêu chuẩn mang tính thông lệ quốc tế trong hệ thống ngân hàng, đóng vai trò quan trọng trong công tác giám sát hoạt động ngân hàng trên toàn thế giới. Sau một thời gian hoạt động, Ủy ban đã

nghiên cứu và đưa ra các Hiệp ước như sau:

- Năm 1998: ban hành Hiệp ước Basel I

- Năm 1999: đề ra 25 nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng hữu hiệu

- Năm 2004: ban hành Hiệp ước Basel II (Thời gian có hiệu lực là tháng 12/2006)

Ủy ban Basel đã ban hành các nguyên tắc về quản lý nợ xấu, mà thực chất là đưa ra các nguyên tắc trong quản trị rủi ro tín dụng, đảm bảo tính hiệu quả và an toàn trong hoạt động cấp tín dụng. Có thể kể tới 11 nguyên tắc cơ bản trong số 17 nguyên tắc Basel về quản lý nợ xấu như sau:

Theo **nguyên tắc 1** của Ủy ban Basel về phòng ngừa nợ xấu:

- Mỗi ngân hàng cần phát triển một chiến lược quản lý rủi ro tín dụng, trong đó sẵn sàng chấp nhận một tỷ lệ nợ xấu phù hợp. Chiến lược quản lý rủi ro tín dụng phản ánh mức độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng với mức sinh lời nhất định mà ngân hàng kỳ vọng. Cụ thể, chiến lược quản lý rủi ro cần thể hiện tuyên bố của ngân hàng trong việc sẵn sàng cấp tín dụng dựa trên loại hình rủi ro tiềm năng, ngành kinh tế, vị trí địa lý, đồng tiền, kỳ hạn và mức sinh lời dự kiến.

- Chiến lược chấp nhận một tỷ lệ nợ xấu cần được phổ biến hiệu quả trong toàn ngân hàng. Mọi nhân viên ngân hàng cần hiểu rõ và có trách nhiệm tuân thủ các thủ tục và chính sách đã đề ra. Hội đồng quản trị (HĐQT) giao ban tổng giám đốc quản lý các hoạt động tín dụng do ngân hàng tiến hành và các

hoạt động này được thực hiện trong phạm vi chiến lược, chính sách và mức độ chấp nhận rủi ro đã được hội đồng quản trị phê duyệt.

Nguyên tắc 2 cũng chỉ ra rằng:

- Yếu tố chính để hoạt động ngân hàng an toàn và lành mạnh là xây dựng và thực hiện tốt các chính sách và thủ tục bằng văn bản liên quan đến việc xác định, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro tín dụng. Các chính sách và thủ tục được xây dựng và thực hiện tốt sẽ cho phép ngân hàng:

- (i) Duy trì các tiêu chí cấp tín dụng lành mạnh;
- (ii) Theo dõi và kiểm soát rủi ro tín dụng;
- (iii) Đánh giá đúng các cơ hội kinh doanh mới;
- (iv) Xác định và quản lý các khoản tín dụng có vấn đề.

Nguyên tắc 3:

- Các ngân hàng cần xác định và quản lý rủi ro tín dụng trong mọi sản phẩm và hoạt động của mình. Đối với các sản phẩm và hoạt động mới, ngân hàng cần xây dựng biện pháp quản lý rủi ro và kiểm soát phù hợp trước khi được đưa vào sử dụng và phải được HĐQT hoặc ủy ban của HĐQT phê duyệt.

Như vậy, ba nguyên tắc đầu tiên đã cho thấy sự cần thiết của việc xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tín dụng đối với mọi sản phẩm và hoạt động của ngân hàng. Đồng thời chỉ ra rằng, các ngân hàng cũng cần chấp nhận và xác định được một tỷ lệ nợ xấu hợp lý, ngoài ra, các quy trình, thủ tục quản lý tín dụng phải được triển khai một cách đầy đủ và chặt chẽ.

Cụ thể hơn, đối với từng giai

đoạn trong quy trình quản lý tín dụng, Ủy ban Basel đưa ra các nguyên tắc nhất định. Đơn cử như trong giai đoạn đầu tiên “*Đề nghị cấp tín dụng*”, **nguyên tắc 4** đã chỉ rõ:

Các tiêu chí để cấp tín dụng lành mạnh phải được xác định rõ ràng. Những tiêu chí này cần chỉ rõ thị trường mục tiêu của ngân hàng và đồng thời, ngân hàng phải hiểu biết rõ về khách hàng vay vốn cũng như mục đích và cơ cấu của khoản tín dụng.

Các ngân hàng cần nhận được đầy đủ thông tin để cho phép đánh giá toàn diện về hồ sơ của khách hàng vay. Tùy theo loại hình rủi ro tín dụng và mối quan hệ tín dụng hiện tại, các yếu tố cần được cân nhắc và đưa vào quá trình phê duyệt tín dụng. Khi xem xét các khoản tín dụng tiềm năng, các ngân hàng cần nhận thức sự cần thiết phải trích lập dự phòng rủi ro đối với các tổn thất đã phát hiện và dự kiến để có đủ vốn bù đắp những tổn thất. Ngân hàng cần đưa các cân nhắc này vào các quyết định cấp tín dụng, cũng như vào quá trình quản lý rủi ro của toàn bộ danh mục đầu tư.

Còn đối với giai đoạn “*Xây dựng hạn mức tín dụng*”, **nguyên tắc 5** đã chỉ ra: Ngân hàng cần xây dựng các hạn mức tín dụng cho từng loại khách hàng và nhóm khách hàng vay vốn để tạo ra các loại hình rủi ro tín dụng khác nhau, nhưng có thể so sánh và theo dõi được ở trong sổ sách kế toán kinh doanh nội bảng và ngoại bảng.

Các giới hạn này thường dựa một phần vào xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng vay. Với các khách hàng có xếp hạng cao hơn sẽ có giới hạn rủi ro

tiềm năng cao hơn. Cũng cần xây dựng giới hạn đối với các ngành, lĩnh vực kinh tế, khu vực địa lý và các sản phẩm cụ thể. Để có hiệu quả, các giới hạn này cần mang tính ràng buộc và không đi theo nhu cầu của khách hàng.

Nguyên tắc 6, ngân hàng cần có quy trình rõ ràng trong việc phê duyệt các khoản tín dụng mới cũng như sửa đổi, gia hạn và tái tài trợ các khoản tín dụng hiện tại. Nhiều cán bộ trong ngân hàng cùng tham gia vào quá trình cấp tín dụng. Những cán bộ này có thể là những người từ bộ phận tiếp thị, quan hệ khách hàng, hoặc từ bộ phận phân tích thẩm định tín dụng và bộ phận phê duyệt tín dụng.

Nguyên tắc 7, việc cấp tín dụng cần được thực hiện trên cơ sở giao dịch công bằng giữa các bên. Đặc biệt, các khoản tín dụng ngoại lệ cho các công ty và cá nhân cần theo dõi cẩn thận và triển khai các bước cần thiết để kiểm soát nhằm loại trừ rủi ro. Các giao dịch quan trọng với các bên có quan hệ phải được HĐQT phê duyệt, và trong một số trường hợp phải được báo cáo cho cơ quan giám sát ngân hàng.

Riêng đối với việc tiếp nhận hồ sơ tín dụng của khách hàng, theo **nguyên tắc 8**:

Hồ sơ tín dụng cần đủ mọi thông tin cần thiết để xác định tình hình tài chính hiện hành của khách hàng vay. Ví dụ, hồ sơ tín dụng cần bao gồm các báo cáo tài chính hiện hành, phân tích tài chính và các tài liệu xếp hạng nội bộ, các bản ghi nhớ nội bộ, thư giới thiệu và đánh giá tín dụng. Các bộ phận xem xét khoản vay cần xác định được hồ

Bảng 2: Kết quả khảo sát lần thứ 5 (QIS 5) của Ủy Ban Basel về việc ứng dụng các phương pháp Basel II trong đánh giá rủi ro tín dụng

Số lượng ngân hàng	Nhóm 1 (vốn $\geq$ 3 tỷ USD)				Nhóm 2 (vốn < 3 tỷ USD)			
	Total	RSA	FIRB	AIRB	Total	RSA	FIRB	AIRB
G10 (12 nước)	82	0	23	59	146	33	102	11
Không thuộc G10 (19 nước)	14	2	6	6	140	127	10	3
Tổng cộng	96	2	29	65	286	160	112	14

Nguồn: Results of the fifth quantitative impact study (QIS 5) – Banks for international settlements – page 7

sơ tín dụng là hoàn chỉnh và có đủ các phê duyệt và văn bản cần thiết khác.

Giai đoạn “*Phân tích và thẩm định hồ sơ tín dụng*” cần tuân theo **nguyên tắc 10**, khuyến khích ngân hàng phát triển và sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ trong phân tích. Hệ thống xếp hạng cần nhất quán với bản chất, quy mô và mức độ phức tạp của các hoạt động ngân hàng. Do tầm quan trọng của việc bảo đảm rằng các mức xếp hạng nội bộ là thống nhất và phản ánh chính xác chất lượng của từng khoản tín dụng, trách nhiệm xây dựng các mức xếp hạng này cần được giao cho một bộ phận xem xét tín dụng độc lập. Điều quan trọng là sự thống nhất và chính xác của các mức xếp hạng được kiểm tra định kỳ bởi một bộ phận như nhóm xem xét tín dụng độc lập.

Ngoài ra, khi phân tích, thẩm định khách hàng theo các chỉ tiêu định lượng và định tính, cần

phải tuân thủ nguyên tắc 6 Cs.

Quy tắc 6 Cs bao gồm: Character - Capacity - Cashflow - Collateral - Conditions - Control (Tính cách người vay - Năng lực trả nợ - Dòng tiền - Tài sản đảm bảo - Điều kiện môi trường - Sự kiểm soát).

Giai đoạn “*Đánh giá và đo lường rủi ro các khoản vay*”, các ngân hàng có thể đo lường rủi ro khoản vay thông qua các mô hình cho điểm tín dụng, mô hình điểm số Z của Altman, và mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ theo Basel II.

Theo Basel II, để đo lường và tính toán hệ số rủi ro đối với các khoản mục tài sản có rủi ro tín dụng, có 3 phương pháp có thể lựa chọn: Phương pháp chuẩn (Standardized), Phương pháp dựa trên xếp hạng nội bộ cơ bản (F - IRB), phương pháp xếp hạng nội bộ nâng cao (A - IRB).

Nếu các mô hình cho điểm tín dụng đánh giá rủi ro của khách hàng trên cơ sở cho điểm doanh

nh nghiệp đó, xem doanh nghiệp đang ở mức độ rủi ro nào thì theo Basel II có thể tính được tổn thất dự kiến EL (*Expected Losses*) theo công thức:

$$EL = PD \times LGD \times EAD$$

Trong đó: PD (*Probability of default*) là khả năng vỡ nợ, LGD (*Loss given default*) là mức độ tổn thất khi vỡ nợ và EAD (*Exposure at default*) là tổng dư nợ của khách hàng không trả được nợ.

Nếu mỗi món vay được xem là một phép thử và có số liệu đầy đủ, chúng ta có thể xác định một cách tương đối chính xác xác suất rủi ro của từng loại tài sản ngân hàng trong từng thời kỳ, từng loại hình tín dụng và từng lĩnh vực đầu tư.

Nhằm đánh giá tác động ảnh hưởng của Basel II đến hơn 350 ngân hàng thuộc 31 quốc gia, trong cuộc khảo sát QIS 5, Ủy ban Basel đã phân chia các ngân hàng được khảo sát thành 2 nhóm ngân hàng: nhóm 1 và

nhóm 2; trong đó, các ngân hàng thuộc nhóm 1 là những ngân hàng có vốn cấp 1 từ 3 tỷ USD trở lên và nhóm 2 gồm những ngân hàng có vốn cấp 1 dưới 3 tỷ USD.

Theo khảo sát về việc ứng dụng các phương pháp Basel II trong đánh giá rủi ro tín dụng, kết quả cho thấy rằng: các ngân hàng thuộc các quốc gia G10 chủ yếu ứng dụng các phương pháp xếp hạng nội bộ (trong đó, các ngân hàng lớn thuộc nhóm 1 các nước G10 chủ yếu ứng dụng phương pháp xếp hạng nội bộ nâng cao). Trong khi các ngân hàng có quy mô vốn nhỏ hơn 3 tỷ USD thuộc các quốc gia không nằm trong nhóm các nước G10 lại chủ yếu ứng dụng phương pháp đơn giản (phương pháp chuẩn) của Basel II khi đánh giá rủi ro tín dụng (xem bảng 2).

Trong đó: RSA: Phương pháp chuẩn

FIRB: Phương pháp xếp hạng nội bộ đơn giản

AIRB: Phương pháp xếp hạng nội bộ nâng cao

Ngoài ra, để bảo đảm an toàn trong hoạt động tín dụng, nhất thiết phải có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của ngân hàng mà trong đó, yếu tố thông tin là vô cùng quan trọng. Bởi vậy, **nguyên tắc 9** và **nguyên tắc 11** chỉ ra:

- Tính hiệu quả của quá trình quản lý rủi ro tín dụng chủ yếu dựa trên chất lượng của hệ thống thông tin quản lý. Thông tin tạo ra từ hệ thống này cho phép HĐQT và các cấp lãnh đạo hoàn thành vai trò giám sát của mình. Do vậy, chất lượng, chi tiết và tính cập nhật của thông tin là cực kỳ quan trọng.

- Các ngân hàng cần phát triển hệ thống thông tin để theo dõi điều kiện của từng khoản tín dụng trong các danh mục đầu tư của ngân hàng, trong đó, hệ thống thông tin quản lý phải cung cấp đầy đủ thông tin về cơ cấu của danh mục đầu tư tín dụng, bao gồm cả việc xác định sự tập trung của rủi ro. Những thủ tục này cần quy định rõ các tiêu chí nhằm phát hiện các khoản tín dụng có thể phát sinh vấn đề.

3. Định hướng áp dụng các nguyên tắc của Basel trong quản lý nợ xấu tại NHTM Việt Nam

Trên cơ sở những nguyên tắc về quản lý nợ xấu của Basel và đặc thù hoạt động các NHTM Việt Nam, những định hướng có thể áp dụng trong xây dựng mô hình quản trị rủi ro tín dụng như sau:

- *Thực hiện phân tách các chức năng: bán hàng, thẩm định, quản lý rủi ro và quản lý nợ trong hoạt động cấp tín dụng*

Trên cơ sở sự phân tách trên, bộ phận quan hệ khách hàng sẽ chịu trách nhiệm gặp gỡ và tiếp nhận các yêu cầu của khách hàng, cung cấp thông tin cho bộ phận thẩm định và quản lý rủi ro tín dụng. Việc xây dựng hạn mức tín dụng xác định trên cơ sở thực hiện xếp hạng tín dụng sẽ do bộ phận quản lý rủi ro tín dụng thực hiện độc lập, đảm bảo tính khách quan khi cung cấp các sản phẩm tín dụng. Bộ phận quản lý rủi ro tín dụng cũng thực hiện giám sát việc sử dụng vốn vay, kiểm tra tài sản bảo đảm, các điều kiện giải ngân... để phát hiện các dấu hiệu rủi ro cũng như đưa ra các biện pháp

can thiệp kịp thời. Như vậy, quá trình đánh giá rủi ro tín dụng được thực hiện một cách tổng thể, liên tục trước, trong và sau khi cho vay giúp nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro tín dụng.

- *Hoàn thiện mô hình chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ*

Hiện nay, phần lớn các NHTM Việt Nam đang áp dụng mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ một tiêu chí (định lượng), chỉ một số ít ngân hàng như MB, Vietinbank, BIDV, VCB mới áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo hai tiêu chí (định lượng và định tính). Trong thời gian tới, cần thống nhất về mô hình chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ để các nhận định về tình trạng doanh nghiệp không có sự khác biệt nhiều giữa các ngân hàng. Mô hình khuyến nghị được sử dụng ở đây là mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ theo Basel II. Mô hình chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ theo hai tiêu chí của Basel II là bước phát triển vượt bậc trên nền của hệ thống xếp hạng một tiêu chí mà các NHTM Việt Nam đang áp dụng.

Ngoài ra, các NHTM Việt Nam gần như đang sử dụng duy nhất một hệ thống chấm điểm tín dụng cho toàn bộ hoạt động cho vay tiêu dùng (nhu cầu vay mua nhà, xin cấp thẻ tín dụng, vay du học, vay mua ô tô...). Điều này là bất hợp lý bởi đặc tính tín dụng của các nhu cầu này hoàn toàn khác nhau mặc dù cùng là hình thức vay trả góp.

Bên cạnh đó, hệ thống chấm điểm tín dụng lại không thường xuyên được cập nhật theo thời gian, dẫn đến điểm số đạt được trong các tiêu chí chấm điểm không phản ánh đúng năng lực

thực tế của khách hàng. Chính bởi vậy, cần phải nâng cao tính thực tiễn và khả năng đánh giá chính xác của mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ, thực hiện xếp hạng tín dụng theo định kỳ và duy trì một cách liên tục để làm cơ sở trong xây dựng chính sách khách hàng về giới hạn tín dụng, áp dụng hình thức bảo đảm tiền vay thích hợp, các định hướng tín dụng với từng khách hàng.

- Tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ và phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất của bất cứ ngân hàng nào. Mặc dù sở hữu một lực lượng nhân lực hùng hậu, nhưng theo khảo sát về chất lượng cán bộ của hệ thống NHTM Việt Nam thì chỉ có trên 65% trình độ đại học và trên đại học. Số cán bộ sử dụng thành thạo ngoại ngữ chỉ chiếm tỷ lệ ít ỏi 1 - 2%; 4,1% cán bộ am hiểu về tin học. Điều này cho thấy số lượng cán bộ có trình độ cao, có năng lực trong việc áp dụng công nghệ ngân hàng cũng như khả năng cập nhật kiến thức và công việc chuyên môn qua các văn bản và các khóa đào tạo nước ngoài còn rất hạn chế.

Tham khảo thêm kết quả khảo sát đối với cán bộ ngân hàng (2010) cho thấy với Hiệp ước Basel, có 16,76% số người được hỏi cho biết là chưa bao giờ nghe nói đến Hiệp ước Basel, kể cả Basel I và II. Gần 80% số người được hỏi cho biết có nghe nói đến Hiệp ước Basel nhưng hiểu rõ Hiệp ước này chỉ có 6,86%. Hơn 70% còn lại thực sự đã từng nghe nói đến Basel nhưng không biết nhiều, thông thường chỉ nắm một vài chuẩn mực đơn giản như yêu cầu vốn tối thiểu, hệ số CAR và hệ số rủi

ro trong đánh giá rủi ro tín dụng theo Hiệp ước Basel I, những nội dung mới trong Basel II có rất ít người biết đến.

Với những bất cập trên, cần nhanh chóng tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ tín dụng để đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt theo các nguyên tắc Basel. Theo đó, cần xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý tín dụng có kinh nghiệm, có kiến thức chuyên môn và khả năng nhanh nhạy trong việc tiếp cận và áp dụng các chuẩn mực quốc tế.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin tín dụng

Mô hình quản lý rủi ro tín dụng hiện đại theo nguyên tắc Basel chỉ có thể thành công khi giải quyết được vấn đề về: “trao đổi thông tin”. Như vậy, vừa đảm bảo tính chuyên môn hóa giữa các bộ phận vừa không làm mất đi khả năng nắm bắt và kiểm soát thông tin của bộ phận quản lý rủi ro tín dụng. Những thông tin quan trọng cần phải được bộ phận quan hệ khách hàng cập nhật định kỳ, sau đó chuyển tiếp cho bộ phận quản lý rủi ro tín dụng để phân tích và đánh giá. Nhờ đó, mô hình mới có thể vận hành suôn sẻ.

Các ngân hàng hiện nay cần phải tăng cường hệ thống an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu và an ninh mạng. Xây dựng hệ thống bảo mật thông tin, dữ liệu và an toàn mạng kết hợp với nghiên cứu và xây dựng đường truyền dữ liệu, liên kết với mạng thông tin quốc gia để tạo thế chủ động cho ngân hàng.

Ngoài ra, cũng rất cần thiết triển khai xây dựng “kho dữ liệu” và hoàn thiện hệ thống phân tích thông tin toàn diện,

đảm bảo cung ứng nguồn thông tin chính xác, đáng tin cậy cho các bộ phận chuyên môn có liên quan. Để thực hiện được điều này, rất cần có sự hỗ trợ của Ngân hàng Nhà nước và sự kết nối, chia sẻ thông tin giữa các ngân hàng. Sự hợp tác một cách toàn diện giữa Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng, cũng như giữa các ngân hàng với nhau trong xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu thông tin về doanh nghiệp là con đường ngắn nhất để hoàn thiện hệ thống thông tin và giảm chi phí khai thác thông tin một cách hợp lý nhất. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trung tâm thông tin tín dụng – NHNN Việt Nam (2009), “Nguyên tắc Basel về quản lý nợ xấu”.
2. Nguyễn Đào Tố (2008), “Xây dựng mô hình quản trị rủi ro tín dụng từ những ứng dụng nguyên tắc Basel về quản lý nợ xấu”, Tạp chí Ngân hàng số 5.
3. TS Tô Ánh Dương (2007), “Những giải pháp để hệ thống NHTM Việt Nam tiếp cận và áp dụng hệ thống chuẩn mực và đánh giá an toàn ngân hàng theo hiệp ước Basel”, Mã đề tài KHN2004-11.
4. Lê Thị Huyền Diệu (2010), “Luận cứ khoa học về xác định mô hình quản lý rủi ro tín dụng tại hệ thống NHTM Việt Nam”, Luận án Tiến sĩ, Hà Nội.
5. Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (2006), NHTMCP Ngoại thương, “Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ”.
6. Basel Committee on Banking Supervision (2005), “International Convergence of Capital Measurement and Capital Standards”.